

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày: 15 – 8 - 2019

V/v tranh chấp tiền trong hợp đồng xây
dựng (lộ giao thông nông thôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Tuấn Hải;

Ông Võ Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp tiền trong hợp đồng xây dựng (lộ giao thông nông thôn) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thành T – Chủ doanh nghiệp tư nhân Thành A (viết tắt: DNTN Thành A, có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Chi L, sinh năm 1975 (văn bản ủy quyền ngày 22/6/2019, có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã T (viết tắt: UBND).

Địa chỉ: Ấp Kinh 17, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Hồng M – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Tô Chí N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019, có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ông Phạm Thành T – Chủ doanh nghiệp tư nhân Thành A trình bày:*

Doanh nghiệp tư nhân Thành A là đơn vị thi công xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn xã T với 04 hạng mục, bao gồm:

Lộ bê tông tuyến Lâm Trường 184 đến khu Sinh Thái bằng 208.706.000 đồng;

Lộ bê tông từ cầu Cựu Chiến Bình đến Kinh 3 Thước bằng 371.901.000 đồng;

Lộ bê tông từ Vàm Cái Đuốc đến cầu Cựu Chiến Bình bằng 305.988.000 đồng;

Lộ bê tông trường tiểu học Dực Liệu đến Xẻo Xu bằng 226.142.000 đồng (đã giảm giá 2%).

Tổng cộng 1.112.747.000 đồng. Đến ngày 25/9/2007 hoàn thành công trình, phía Ủy ban nhân dân xã T đã thanh toán 858.422.900 đồng, còn nợ lại 254.324.100 đồng. Các công trình đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhiều năm. Qua bảng đối chiếu công nợ các công trình xây dựng thì Ủy ban nhân dân xã T còn nợ Doanh nghiệp tư nhân Thành A số tiền là 43.500.000 đồng. Do nợ kéo dài thời gian từ năm 2007 đến nay nhưng UBND xã T không thanh toán dứt điểm nên Doanh nghiệp tư nhân Thành A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND thanh toán số tiền 43.500.000 đồng, lãi suất chậm trả 0,9%/tháng tính từ ngày 01/01/2008 đến ngày 19/02/2019 là 4.063 ngày với số tiền lãi là 53.022.150 đồng, tổng cộng 96.522.150 đồng.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 22 tháng 4 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - Ủy ban nhân dân xã T trình bày:*

Ủy ban nhân dân xã T xác nhận có nợ ông T – Chủ DNTN Thành A là đơn vị thi công xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn xã T tính đến ngày 17/7/2019 là 43.500.000 đồng, tiền đối ứng 7/3 tức là Nhà nước 70%, dân đối ứng 30%, do hiện nay chưa thu được đối với một số hộ dân còn nợ nên UBND xã T chưa có kinh phí để thanh toán cho ông T.

Trong tháng 7/2019, UBND đã thu được trong dân và thanh toán cho ông T 10.000.000 đồng. Nay UBND xã T còn nợ số tiền 33.500.000 đồng. Riêng phần lãi suất do ông T yêu cầu thì phía UBND không thống nhất vì số tiền UBND xã nợ ông T do chưa thu được trong dân; hiện nay đối với hợp đồng đã hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông L trình bày thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu UBND xã T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc còn

nợ là 33.500.000 đồng do UBND đã thanh toán được 10.000.000 đồng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu về số tiền lãi suất chậm trả là 53.022.150 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T chỉ cung cấp được 01 hợp đồng thi công công trình xây dựng số 01/HĐXL ngày 18/7/2007 đối với công trình Lộ bê Tg trường tiểu học Được Liệt đến Xẻo Xu, còn các hợp đồng khác do Kho bạc Nhà nước và UBND xã T quản lý.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông N xác định Ủy ban nhân dân xã T còn nợ ông T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thành A tính đến nay là 33.500.000 đồng tiền công xây dựng, không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu của các hợp đồng xây dựng.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành T – Chủ doanh nghiệp tư nhân Thành A, buộc phía UBND xã T phải thanh toán cho ông T số tiền gốc còn nợ là 33.500.000 đồng và phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2019, ông Phạm Thành T – Chủ DNTN Thành A yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T thanh toán số tiền xây dựng còn nợ và yêu cầu tính lãi suất trên số nợ gốc. Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi suất chậm trả do đó tranh chấp giữa ông T và UBND xã T là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp tiền trong hợp đồng xây dựng (lộ giao thông nông thôn) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- *Áp dụng pháp luật:* Giao dịch giữa các bên diễn ra từ năm 2007 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm xảy ra tranh chấp để giải quyết.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Năm 2007, Ông Phạm Thành T – Chủ DNTN Thành A thi công xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn xã T với 04 hạng mục, được nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ năm 2007 đến nay. Ngày 22/02/2011, giữa ông T và UBND xã T có lập “biên bản v/v đối chiếu nợ GTNT” với số tiền 254.324.100 đồng. Ngày 22/6/2018, giữa ông T và UBND xã T có “biên bản về việc đối chiếu và xác nhận công nợ lộ GTNT” tính đến ngày 16/5/2016 là 110.00.000 đồng và UBND tiếp tục thanh toán nợ. Ngày 11/10/2018, tại Biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn thì giữa ông T và UBND có xác định số nợ còn lại là 43.500.000 đồng, ông T đồng ý để cho Ủy ban có thời gian tìm nguồn thanh toán nợ và đồng ý rút lại đơn khởi kiện đối với UBND xã T. Ngày 20/02/2019 Tòa án nhân dân huyện Năm Căn nhận đơn khởi kiện của ông T, căn cứ vào Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định thời hiệu

khởi kiện về hợp đồng dân sự là 02 năm, việc UBND xã T thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện do đó thuộc trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 162 Bộ luật dân sự 2005. Như vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2]. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành T – Chủ DNTN Thành A buộc UBND xã T thanh toán cho ông số tiền thi công xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn xã còn nợ là 33.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, UBND xã T thừa nhận còn nợ số tiền nói trên, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc UBND xã T còn nợ ông T – Chủ DNTN Thành A số tiền thi công xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn xã bằng 33.500.000 đồng là có thật.

Quá trình giao dịch thi giữa các bên có làm hợp đồng thi công xây dựng công trình, hợp đồng gồm 06 bản, phía ông T giữ 01 bản, nhà đầu tư xây dựng giữ 05 bản, hợp đồng do ông T giữ đã được nộp cho Kho bạc Nhà nước khi quyết toán công trình. Năm 2007 hoàn thành công trình, đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng nhiều năm nhưng phía UBND không thanh toán tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, ông T làm đơn khởi kiện là có căn cứ.

Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là tranh chấp tiền trong hợp đồng xây dựng lộ giao thông nông thôn được quy định tại Điều 414 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 75, Điều 81, Điều 110 Luật xây dựng năm 2003. Nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn thanh toán số tiền thi công xây dựng công trình giao thông nông thôn bằng 33.500.000 đồng, sự việc tranh chấp được phía bị đơn thừa nhận và đồng ý thanh toán, đây là sự tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự theo quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự. UBND xã T có trách nhiệm thanh toán cho ông T – Chủ DNTN Thành A số tiền còn nợ là 33.500.000 đồng.

Trường hợp UBND xã T chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì UBND xã T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã T phải trả số tiền nợ gốc là 43.500.000 đồng, lãi suất chậm trả 0,9%/tháng tính từ ngày 01/01/2008 đến ngày 19/02/2019 (là 4.063 ngày) với số tiền lãi là 53.022.150 đồng, tổng cộng 96.522.150 đồng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu là chỉ buộc Ủy ban nhân dân xã T thanh toán số nợ gốc bằng 33.500.000 đồng và rút một phần yêu cầu đối với số tiền lãi suất chậm trả, vì phía UBND đã trả cho ông T được 10.000.000 đồng tiền nợ gốc. Xét thấy, việc thay đổi và rút một phần yêu cầu thanh toán nợ nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ

điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông T về lãi suất chậm trả với số tiền lãi là 53.022.150 đồng, nếu sau này ông T khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ông T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử. Đối với việc thay đổi yêu cầu thanh toán số nợ gốc của ông T được chấp nhận vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Đối với nội dung, hình thức và hiệu lực của các hợp đồng thi công xây dựng công trình giao thông nông thôn được ký kết giữa ông T – Chủ DNTN Thành A và UBND xã T, do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Ủy ban nhân dân xã T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông T – Chủ DNTN Thành A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 20 tháng 02 năm 2019, ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.413.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0016327 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, được nhận lại toàn bộ.

Quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 162, 414, 427 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 75, Điều 81, Điều 110 của Luật xây dựng năm 2003; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 246, Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Buộc Ủy ban nhân dân xã T, huyện năm Căn, tỉnh Cà Mau thanh toán cho ông Phạm Thành T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thành A số tiền nợ gốc thi công, xây dựng công trình giao thông nông thôn là 33.500.000 đồng (*ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp UBND xã T chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì UBND xã T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[2]. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của ông T – Chủ DNTN Thành A về số tiền lãi suất chậm trả bằng 53.022.150 đồng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Ủy ban nhân dân xã T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.675.000 đồng.

Ông Phạm Thành T – Chủ DNTN Thành A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.413.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016327 ngày 20 tháng 2 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền